TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PL** **TỈNH BL**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16/3/2023
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL– TỈNH BL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **L Văn Đẹp**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Dương Thị Tú Phương**

2. Ông **Đặng Văn Chiểu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P L, tỉnh BL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P L, tỉnh BL *tham gia phiên tòa:* Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện PLxét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 386/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phan Kiều O,** sinh năm 1971; Địa chỉ: ấp M, xã V P Đ, huyện P L, tỉnh BL. *(Vắng mặt)*

2. Bị đơn: Ông **Đoàn Văn G,** sinh năm 1967; Địa chỉ: ấp M, xã V P Đ, huyện P L, tỉnh BL. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Phan Kiều O trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông G tự nguyện sống chung từ năm 1996, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng ông đã ly thân từ năm 2012 đến nay do sống chung không hợp nhau. Nay bà O yêu cầu được ly hôn với ông G.

Về con chung: Bà O và ông G có ba người con chung là Đoàn Ngọc B, sinh năm 1997, Đoàn Trọng K, sinh năm 2001 và Đoàn Hồng L, sinh ngày 25/8/2009. Do Đoàn Ngọc B và Đoàn Trọng K đã thành niên, có khả năng lao động tự nuôi

sống mình nên bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà O yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là Đoàn Hồng L, sinh ngày 25/8/2009, bà O không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Đoàn Văn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PLphát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ theo khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận bà O và ông G là vợ chồng.

+ Về con chung: Giao con chung là Đoàn Hồng L, sinh ngày 25/8/2009 cho bà O được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông G có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

Riêng cháu B và cháu K đã thành niên, có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Bà O khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông G, ông G đang cư trú trên địa bàn huyện PLnên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện PLthụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Ông G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, bà O có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bà O và ông G là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bà O và ông G là phù hợp theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy bà O và ông G có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng bà O và ông G chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 và đã có ba người con chung mà không đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa bà O và ông G là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nay bà O yêu cầu ly hôn, căn cứ theo khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân

và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà O và ông G.

[4] Về con chung: Căn cứ theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bà O thì bà O và ông G có 03 người con chung là Đoàn Ngọc B, sinh năm 1997, Đoàn Trọng K, sinh năm 2001 và Đoàn Hồng L, sinh ngày 25/8/2009. Hai người con lớn đã thành niên, có đủ khả năng để tự nuôi sống mình nên bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà O yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là Đoàn Hồng L. Ông G đã được Tòa án thông báo về việc yêu cầu nuôi con chung của bà O nhưng ông G không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà O. Xét thấy, từ khi bà O và ông G ly thân đến nay, bà O trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, hiện cháu L phát triển tốt. Đồng thời, tại biên bản lấy ý kiến ngày 28/11/2022 cháu L có nguyện vọng sống cùng với bà O. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu L, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà O: Giao cháu Đoàn Hồng L, sinh ngày 25/8/2009 cho bà O tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Bà O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Ông G không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 14, 53, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Kiều O và ông Đoàn Văn G.

2. Về con chung: Giao cháu Đoàn Hồng L, sinh ngày 25/8/2009 cho bà Phan Kiều O tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Đoàn Văn G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Phan Kiều O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Bà O đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005540 ngày 28/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PLnên được chuyển sang thu án phí.

Ông Đoàn Văn G không phải chịu án phí.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện P L;
- Chi cục THADS huyện P L;
- TAND tỉnh BL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

L Văn Đẹp